

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2025/HNGĐ-ST

Ngày 03-9-2025

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phúc;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lục Thị Nhung;

Bà Trần Thị Hoài.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Nga - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 9 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 49/2025/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Sầm Thị Ánh T, sinh năm 1989. Địa chỉ: Thôn Nà Ôm, xã Liên H, tỉnh Tuyên Q. Vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Hoàng Hoài N, sinh năm 1989. Địa chỉ: Thôn Tr, xã Linh H, tỉnh Tuyên Q. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/02/2025, đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 11/3/2025 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Sầm Thị Ánh T trình bày:

Chị và anh Hoàng Hoài N trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Trung Th, huyện V, tỉnh H (nay là xã Linh H, tỉnh Tuyên Q) vào ngày 18/10/2015. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng không hiểu nhau, khác biệt về quan điểm sống dẫn đến trong cuộc sống hàng ngày vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau rất nhiều lần, hai vợ chồng tuy sống chung trong cùng một nhà nhưng không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc đến nhau nữa. Mặc dù đã được hai bên gia đình nội ngoại,

động viên, khuyên bảo nhưng mâu thuẫn không cải thiện được, anh chị đã sống ly thân từ tháng 9/2020 cho đến nay. Chị T và cháu Ch đã về nhà bố mẹ đẻ ở tại thôn Nà Ôm, xã Liên H, tỉnh Tuyên Q sinh sống. Nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Hoài N để mỗi người có một cuộc sống riêng.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Hoàng Thiên T, sinh ngày 06/10/2015 và cháu Hoàng Bảo Ch, sinh ngày 18/11/2019. Hiện nay các cháu đang ở với chị và ông bà ngoại. Ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu và yêu cầu anh Hoàng Hoài N có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án thụ lý vụ án và tiến hành giải quyết vụ án theo trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với anh Hoàng Hoài N nhiều lần, nhưng anh N không đến Tòa án để làm việc, không cung cấp văn bản nêu quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương, kết quả: Anh Hoàng Hoài N hiện tại vẫn sinh sống ở địa phương, thi thoảng có đi làm ăn tại xa ít ngày lại về, anh N đã nhận và được thông báo đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh N vẫn không đến Tòa án để giải quyết. Về nguyên nhân mâu thuẫn: Chính quyền thôn cho biết nguyên nhân là do giữa anh N và chị Tt bất đồng quan điểm trong làm ăn kinh tế gia đình. Nguyên đơn chị Sầm Thị Ánh T có đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt, bị đơn vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, Tòa án căn cứ Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng, các đương sự và đề nghị HĐXX:

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” giữa chị Sầm Thị Ánh T và anh Hoàng Hoài N.

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Sầm Thị Ánh T và anh Hoàng Hoài N được ly hôn.

3. Về con chung: Giao cháu Hoàng Thiên T, sinh ngày 06/10/2015 và cháu Hoàng Bảo Ch, sinh ngày 18/11/2019 cho chị Sầm Thị Ánh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Hoàng Hoài N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 2.000.000đ/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 01/9/2025 cho đến khi các

cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị T là người nhận tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu nên không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

5. Về án phí, quyền kháng cáo: Giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quan điểm và đề nghị của đại diện Việt kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Chị Sầm Thị Ánh T khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Hoài N. Anh N hiện đang cư trú tại thôn Tr, xã Linh H, tỉnh Tuyên Q, TAND khu vực 4-Tuyên Quang thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Sầm Thị Ánh T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Hoàng Hoài N vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Các đương sự đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ, đúng quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Sầm Thị Ánh T và anh Hoàng Hoài N xác lập quan hệ vợ chồng và có đăng ký kết hôn ngày 18/10/2015 theo đúng các quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trung Th, huyện V, tỉnh H (nay là Ủy ban nhân dân xã Linh H, tỉnh Tuyên Q) nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do bất đồng quan điểm trong làm ăn phát triển kinh tế, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9/2020 cho đến nay. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị có đơn xin ly hôn với anh N. HĐXX xét thấy: Mâu thuẫn giữa chị T và anh N đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận cho chị Sầm Thị Ánh T được ly hôn với anh Hoàng Hoài N.

[3] Về con chung: Khi ly hôn chị T có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hoàng Thiên T và cháu Hoàng Bảo Ch, tại đơn trình bày nguyện vọng của con chung, cháu Hoàng Thiên T cũng có nguyện vọng được ở với mẹ và trên thực tế hiện nay cháu T và cháu Ch đang sinh sống cùng với chị Sầm Thị Ánh T tại nhà bố mẹ đẻ của chị T. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Hoàng Hải N không có văn bản nêu ý kiến về con chung và cấp dưỡng. HĐXX xét thấy: Cháu Hoàng Thiên T và cháu Hoàng Bảo Ch hiện đang sinh sống ổn định cùng với mẹ. Để đảm bảo cho cuộc sống của các cháu không bị xáo trộn, đảm bảo cho các cháu được chăm sóc đầy đủ và được học

hành, phát triển một cách bình thường, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao cháu Hoàng Thiên T, sinh ngày 06/10/2015 và cháu Hoàng Bảo Ch, sinh ngày 18/11/2019 cho chị Sầm Thị Ánh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Hoàng Hoài N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với mức 2.000.000đ/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 01/9/2025 cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, chị Sầm Thị Ánh T là người nhận tiền cấp dưỡng nuôi con chung là có căn cứ và phù hợp.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Sầm Thị Ánh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và anh Hoàng Hoài N phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

[7] Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đồng thuận với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” giữa chị Sầm Thị Ánh T và anh Hoàng Hoài N.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chị Sầm Thị Ánh T được ly hôn với anh Hoàng Hoài N.

3. Về con chung: Giao cháu Hoàng Thiên T, sinh ngày 06/10/2015 và cháu Hoàng Bảo Ch, sinh ngày 18/11/2019 cho chị Sầm Thị Ánh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Hoàng Hoài N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với mức 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*)/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 01/9/2025 cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, chị Sầm Thị Ánh T là người nhận tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu số tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, anh N và chị T có quyền thay đổi về cấp dưỡng nuôi con, người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Sầm Thị Ánh T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) chị T đã nộp theo biên lai thu số 0001509 ngày 10 tháng 3 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh H (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 4 - Tuyên Quang). Anh Hoàng Hoài N phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7; Điều 7a; Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND KV4;
- TAND tỉnh;
- THADS tỉnh;
- Các đương sự;
- UBND xã Linh H
- (02 bản, 01 bản niêm yết);
- Lưu hồ sơ vụ án, vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Phúc